

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 354/2023/DS-PT

Ngày: 21 - 11 - 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Ông Trần Duy Phương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 256/2023/TLDS-PT ngày 06/10/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 338/2023/QĐ-PT, ngày 01/11/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S – sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1970 và bà Mai Thị Th - sinh năm 1969.

Địa chỉ: Buôn K, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - cùng có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T là: ông Lục Văn H -sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 108 Nguyễn C, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là: Ông Văn Đức M- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phan Anh C - chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 108 Nguyễn C, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày có nội dung như sau:*

Bà S là chủ đại lý thu mua cà phê, giữa bà và vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th có quan hệ mua bán tài sản với nhau. Ngày 15/12/2020 âm lịch, vợ chồng ông T, bà Th có vay của bà S số cà phê nhân là 2.300 Kg và số tiền mặt là 25.400.000 đồng. Sau khi hết hạn trả nợ, bà S đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà Th không trả làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp cũng như việc kinh doanh của bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà Th trả số cà phê nhân là 2.300Kg cùng số tiền đã vay là 25.400.000 đồng. Đồng thời bà cũng yêu cầu ông T, bà Th phải trả lãi suất đối với số tiền 25.400.000 đồng với là 1,5%/tháng kể từ ngày 15/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th:**

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th nhưng đều vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai, công khai chứng cứ, hoà giải và các đương sự cũng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T là ông Lục Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi bản trình bày quan điểm giải quyết vụ án với các nội dung:

+ Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng không hợp lệ nên bị đơn không cung cấp được các tài liệu chứng cứ, không thực hiện được quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Tòa án chỉ giám định chữ ký chữ viết, chưa xác minh về nội dung trong giấy biên nhận. Ông T, bà Th không nợ cà phê mà do vay tiền nhiều lần nên bà S quy đổi thành cà phê rồi cộng cả gốc và lãi là 2.300kg. Đối với số tiền 25.400.000đ là tiền cây giống mà ông T và bà Th mang cây giống của bà S về trồng, tổng cộng là 17.000.000đ, tính cả lãi thành 25.400.000đ.

+ Tòa án chưa làm rõ nội dung trong giấy biên nhận: Ông Nguyễn Văn T – Mai Thị Th có vay của anh TC, chị S.

Từ đó đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập chứng cứ, triệu tập bị đơn, người liên quan đến tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2023/DS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 161; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463; Khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th phải trả cho bà Trần Thị S số cả phê nhân xô đã vay là 2.300kg (Hai nghìn ba trăm Kilogam) và trả số tiền đã vay cả nợ gốc và lãi là 36.830.000 đồng, trong đó nợ gốc là 25.400.000đ và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 11.430.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th phải chịu số tiền 4.080.000 đồng (Bốn triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) chi phí giám định. Bà Trần Thị S được nhận lại số tiền 4.080.000 đồng (Bốn triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được từ ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th phải chịu 9.512.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị S 3.130.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar theo biên lai thu số AA/2021/0013811 ngày 15/11/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/8/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung: Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lục Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng về việc thông báo, triệu tập, niêm yết, xác minh địa chỉ cư trú của bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn mặc dù biết được, nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cố tình vắng mặt. Tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Ngày 15/12/2020 âm lịch, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Mai Thị Th có vay của bà S số cả phê nhân là 2.300Kg và số tiền mặt là 25.400.000 đồng. Sau khi hết hạn trả nợ, bà S đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà Th không trả. Việc viết xác nhận nợ là do ông Nguyễn Văn T tự viết và bà Th tham gia ký và bà

Mai Thị Th tự viết, tại Kết luận giám định số 345/KL-KTHS ngày 28/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk cũng xác định chữ ký, chữ viết là do cùng một người viết ra. Như vậy có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th có vay của bà Trần Thị S số cà phê nhân là 2.300Kg và số tiền mặt là 25.400.000 đồng. Do đó bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S và buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th phải trả cho bà Trần Thị S số cà phê nhân xô đã vay là 2.300kg và trả số tiền đã vay cả nợ gốc và lãi là 36.830.000 đồng, trong đó nợ gốc là 25.400.000đ và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 11.430.000 đồng, là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Văn Đức M trình bày quan điểm giải quyết vụ án với các nội dung:*

- Về việc thông báo thụ lý cho bị đơn của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 196 BLTTDS.

- Về phân công thẩm phán tiến hành tố tụng không có quyết định thay đổi thẩm phán.

- Về việc đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng thì thấy việc giải quyết vụ án liên quan đến ông TC là chồng của bà S nhưng Tòa án không đưa ông TC vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông TC.

- Về mẫu giám định Tòa án cấp sơ thẩm không dùng mẫu so sánh gốc mà dùng mẫu phô tô để giám định.

- Về xác minh nơi cư trú cuối cùng của bị đơn Tòa án cấp sơ thẩm xác minh sơ sài dẫn đến việc cấp tổng đạt các văn bản cho bị đơn không được đảm bảo ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng như việc thực hiện quyền phản tố của bị đơn.

- Về việc cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm không có biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng và không niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn.

- Không giao văn bản cho thôn trưởng, buôn trưởng, hay công an xã để tổng đạt cho bị đơn.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo có xác nhận của đại diện tổ dân phố hay công an xã.

- Bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án vẫn tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hồ sơ vụ án chưa chứng minh được cụ thể khoản nợ của ông T và bà Th là bao nhiêu trong khi đó hai bên có vay mượn rồi trả cho nhau nhiều lần, chưa đối chiếu số nợ cụ thể, khi vay là vay tiền hay vay cà phê, thời điểm vay và tính lãi xuất cũng không xác định cụ thể, nội

dung giấy biên nhận là viết tay nhưng toà án cũng không làm rõ ai viết, ông T và bà Th có gửi tiêu cho bà S nhưng toà án cũng không xác minh làm rõ.

Từ những lý do trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th, xét thấy:

[1.1] Về thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án cấp sơ thẩm:

Sau khi nguyên đơn bà Trần Thị S khởi kiện, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục về hoà giải ngoài Toà án và chỉ định hoà giải viên để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà S, thời điểm này ông Nguyễn Văn T đã được giao nhận Quyết định chỉ định hoà giải viên, mời tham gia phiên hoà giải vào các ngày 12 và 18/8/2022 (BL 06, 08, 10) và ký nhận, đến ngày 18/8/2022 ông Nguyễn Văn T đã viết bản trình bày ý kiến tại Toà (BL 11), ngày 29/8/2022 ông Nguyễn Văn T cũng tham gia buổi hoà giải (BL 12) trong hai văn bản này ông T đều thể hiện địa chỉ của ông là Thôn 8, xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 03/01/2023 Toà án gửi giấy báo cho ông T và bà Th theo địa chỉ như trên thì kết quả bưu cục xác nhận là chuyển đi nơi khác (BL 23, 24), ngày 31/01/2023 Toà án đã tổng đạt văn bản cho ông T và bà Th theo địa chỉ Buôn K, xã E, huyện C (BL 25, 26). Đến ngày 13/02/2023 Toà án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông T và bà Th tại Công an xã Cư D, huyện Cư M'gar thì được xác nhận là vợ chồng ông T và bà Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 8, xã M, huyện C nhưng hiện nay không còn sinh sống tại đây và đã chuyển đến sinh sống tại Buôn T, xã E, huyện C (BL 29, 30), để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T và bà Th Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo địa chỉ mới được cung cấp khi đi xác minh (BL 32,78,79). Sau khi niêm yết các văn bản giấy tờ nhưng ông T và bà Th vẫn không có mặt để tham gia tố tụng nên đến ngày 10/4/2023 Toà án tiếp tục tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng cũng không thể giao vì ông T và bà Th lại tiếp tục vắng mặt tại nơi cư trú (BL 80).

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, Toà án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã E thì được biết ông T và bà Th lại chuyển đến Buôn K, xã E sinh sống (BL 86), Toà án cũng đã niêm yết thông báo kết quả phiên họp và phiên hoà giải cho ông T và bà Th (BL 87, 88).

Sau đó ông T và bà Th nhờ người đại diện là ông Lục Văn H thay mình tham gia tố tụng, ông H đã được sao chụp hồ sơ vụ án, tiếp cận với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhưng ông H cũng không cung cấp bản khai, tài liệu chứng cứ cũng như đều vắng mặt tại các phiên tòa (BL 103, 116).

Từ những phân tích nêu trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T và bà Th nhưng ông T, bà Th đã cố tình không hợp tác, liên tục thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không báo cho Tòa án gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Đối với giấy vay tiền ngày 15/12/2020, nguyên đơn xác định nội dung xác nhận nợ là do ông T và bà Th tự viết và ký tên sau khi đã đối trừ các khoản vay, mượn, những khoản đã trả, còn lại mới chốt sổ, bởi lẽ giữa bà S và ông T, bà Th có nhiều lần vay mượn với nhau. Việc viết xác nhận nợ là do ông Nguyễn Văn T tự viết và bà Th tham gia ký cũng như bà Mai Thị Th tự viết. Mặt khác tại Kết luận giám định số 345/KL-KTHS ngày 28/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk cũng xác định chữ ký, chữ viết là do cùng một người viết ra. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th có vay của bà Trần Thị S số cả phê nhân xô là 2.300Kg và số tiền mặt là 25.400.000 đồng.

Do đó, đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th là không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th có vay của bà Trần Thị S số cả phê nhân xô là 2.300Kg và số tiền mặt là 25.400.000 đồng, là có căn cứ.

Đối với đơn yêu cầu phản tố của bị đơn Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra giải quyết bằng một vụ kiện khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th trình bày nội dung như đơn kháng cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chỉ căn cứ vào giấy biên nhận mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đảm bảo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận ngày 15/12/2020 là do ông viết và bà Th cùng ký xác nhận vay.

[1.3] Về lãi suất: Tại giấy biên nhận thể hiện lãi suất là 1,5%/tháng, nguyên đơn bà S yêu cầu tính lãi suất phát sinh kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa sơ thẩm, mức lãi suất 1,5%/tháng không vượt quá mức lãi suất mà Ngân hàng Nhà nước quy định nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức $25.400.000đ \times 1,5\%/tháng \times 30 tháng = 11.430.000$ đồng là phù hợp.

[1.4] Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 15/12/2020 (Âm lịch) ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th đã viết giấy biên nhận xác nhận có vay của bà Trần Thị S 2.300Kg cả phê nhân xô và số tiền 25.400.000 đồng. Bà S yêu cầu nhiều lần nhưng ông T, bà Th không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị S, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th phải trả cho bà Trần Thị S 2.300Kg cà phê nhân xô và số tiền nợ gốc là 25.400.000đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 15/12/2020 (Âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/7/2023) với số tiền 11.430.000 đồng, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th là không có căn cứ chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng đắn.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk;
- Áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 161; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463; Khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th phải trả cho bà Trần Thị S số cà phê nhân xô đã vay là 2.300kg (Hai nghìn ba trăm Kilogam) và trả số tiền đã vay cả nợ gốc và lãi là 36.830.000 đồng, (trong đó nợ gốc là 25.400.000đ và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 11.430.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th phải chịu 9.512.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị S 3.130.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar theo biên lai thu số AA/2021/0013811 ngày 15/11/2022.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 600.000 đồng mà ông Nguyễn Văn T, bà Mai Thị Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014501, ngày 09/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th phải chịu số tiền 4.080.000 đồng (Bốn triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) chi phí giám định. Bà Trần Thị S được nhận lại số tiền 4.080.000 đồng (Bốn triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được từ ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Th.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- THADS huyện Cư M'gar;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức